

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thu N, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp TL, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp TL, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Dương Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 người con chung Nguyễn Dương Chấn H, sinh ngày 11/3/2011, hiện cháu H đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hoàng T nhưng anh đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định do anh Thảo có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Đối với anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị N. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Dó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Theo chị N trình bày anh T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H nên chị đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng và theo biên bản ghi nguyện vọng con chung thể hiện cháu H có nguyện vọng sống chung với anh T. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Thu N, cho chị Dương Thu N được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Chấn H, sinh ngày 11/3/2011 cho anh Nguyễn Hoàng T nuôi dưỡng.

Chị Dương Thu N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thu N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011992 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Dương Thu N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TD;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng